

**PHỤ LỤC 1 - ĐẶC ĐIỂM CĂN HỘ VÀ DANH MỤC VẬT LIỆU,
TRANG THIẾT BỊ**

**SCHEDULE 1
SPECIFICATIONS OF THE APARTMENT AND LIST OF MATERIALS AND
EQUIPMENT**

1. Vị trí và diện tích Căn Hộ:

Location and area of the Apartment:

a. Căn hộ có vị trí và thiết kế như Bản vẽ đính kèm Phụ lục này.

The Apartment has the location and design as prescribed in the Drawing attached to this Schedule.

b. Diện tích Căn Hộ và các thông số:

Area of the Apartment and other parameters:

Căn Hộ số: <i>Apartment No.:</i>	A30.03
Diện Tích Sử Dụng Dự Kiến căn hộ: <i>Projected Use Area of the Apartment:</i>	107,7 m ²
Tổng Diện tích sàn xây dựng (không kể tầng hầm) <i>Total construction floor area (exclusive of basements):</i>	146.222 m ²
Mục đích sử dụng căn hộ: <i>Use purpose:</i>	Đề ở <i>Residence</i>
Tầng: <i>Floor:</i>	30
Toà nhà: <i>Building:</i>	CT2
Dự án: <i>Project:</i>	Hải Đăng City giai đoạn 2 (Tên thương mại "The Zei") <i>Second Phase of Hai Dang City Project (Commercial name as "The Zei")</i>
Địa điểm: <i>Address:</i>	Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm và phường Mai Dịch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; <i>My Dinh 2 ward, Nam Tu Liem district and Mai Dich ward, Cau Giay district, Hanoi city</i>

2. Danh mục chi tiết vật liệu và các trang thiết bị của Căn Hộ:

List of materials and equipment of the Apartment:

VẬT LIỆU VÀ THIẾT BỊ HOÀN THIỆN TRONG CĂN HỘ CHUNG CƯ
MATERIALS AND EQUIPMENT FOR COMPLETION INSIDE THE
APARTMENT

Loại phòng <i>Room type</i>	Hạng mục <i>Items</i>	Mô tả thiết bị/hạng mục <i>Description of equipment/items</i>
Phòng khách, phòng ăn <i>Living room, Dining room</i>	Cửa chính của căn hộ <i>Apartment's main door</i>	Cửa gỗ công nghiệp cao cấp, khóa từ Kaadas / Hafele/Adel hoặc tương đương. <i>High-class industrial wood door, Kaadas/ Hafele/ Adel or equivalent magnetic lock.</i>
	Chuông hình <i>Video doorbell</i>	Fermax hoặc tương đương. Có chức năng liên lạc với nút gọi tại sảnh thang máy (tầng hầm, tầng 1, lễ tân) <i>Fermax or equivalent. Having communication function with call buttons at elevator lobbies (basement, first floor, reception)</i>
	Sàn <i>Floor</i>	Sàn tre ép dày 15mm (hoặc gạch granite cao cấp 600 x 600 nếu khách hàng có nhu cầu thay đổi) <i>15mm thick bamboo flooring (or 600x600 premium granite tiles if customer wishes to change)</i>
	Tường <i>Wall</i>	Tường bê tông, gạch xây, trát vữa xi măng, bả và sơn Dulux/ Falcon/ Nippon hoặc tương đương <i>Concrete wall, masonry brick, cement mortar, Dulux/ Falcon/ Nippon or equivalent putty and paint.</i>
	Trần <i>Ceiling</i>	Trần thạch cao, khung xương chìm Vĩnh Tường; Bả và sơn Dulux/ Falcon/ Nippon hoặc tương đương. <i>Vĩnh Tường gypsum ceiling, direct fixing frame; Concrete wall, masonry brick, cement mortar, Dulux/ Falcon/ Nippon or equivalent putty and paint.</i>
	Cửa/Vách kính ra lô gia <i>Loggia door/Glass curtain wall</i>	Khung nhôm sơn tĩnh điện, kính hộp Low-E, cách âm, cách nhiệt <i>Aluminum frame with electrostatic paint, Low-E soundproofing and heat-insulating glass.</i>

	Tủ giày <i>Shoes cabinet</i>	Gỗ công nghiệp cao cấp (lõi MDF chống ẩm, cánh laminate hoặc sơn bóng) <i>High-class industrial wood (MDF moisture-proof core, laminate or gloss paint wings)</i>
	Điện và thiết bị chiếu sáng <i>Electricity and lighting equipment</i>	Tủ điện tổng: + Vỏ tủ Schneider/Legrand/ ABB hoặc tương đương. + Thiết bị điện Schneider/ Mitsubishi Electric/ Legrand hoặc tương đương + Đường dây điện ngầm Cadivi/ Trần Phú/ LS hoặc tương đương; + Công tắc điện, ổ cắm: Schneider/Legrand hoặc tương đương. + Đèn Led: Philips/Duhal hoặc tương đương. <i>Central electrical cabinet</i> + <i>Schneider/Legrand/ABB or equivalent cabinet cover.</i> + <i>Schneider/Mitsubishi Electric/Legrand or equivalent electrical equipment</i> + <i>Cadivi/Tran Phu/ LS or equivalent underground electrical cable;</i> + <i>Schneider/Legrand or equivalent electrical switch, complete socket</i> + <i>Philips/Duhal or equivalent LED lamp.</i>
	Điều hòa <i>Air conditioner</i>	Hệ âm trần nổi ống gió inverter, hai chiều nhãn hiệu Mitsubishi/ Daikin hoặc tương đương. <i>Mitsubishi/Daikin or equivalent branded inverter, two-way ceiling-concealed system, connected to wind pipeline.</i> Cửa gió: Ngôi sao Châu Á/ Asli hoặc tương đương. <i>Wind door: Asian Star/ Asli or equivalent.</i>
	Điện thoại, truyền hình cáp, Internet <i>Telephone, cable television, Internet</i>	Cung cấp đến đầu chờ theo thiết kế. <i>Provide until the waiting sockets in accordance to the design.</i>
Phòng ngủ <i>Bedroom</i>	Sàn <i>Floor</i>	Sàn tre ép dày 15mm <i>15mm thick bamboo flooring</i>

Tường <i>Wall</i>	Tường bê tông, gạch xây, trát vữa xi măng, bả và sơn Dulux/ Falcon/ Nippon hoặc tương đương. <i>Concrete wall, masonry brick, cement mortar, Dulux/Falcon/Nippon or equivalent putty and paint</i>
Trần <i>Ceiling</i>	Trần thạch cao, khung xương chìm Vĩnh Tường, bả và sơn Dulux/ Falcon/ Nippon hoặc tương đương. <i>Vinh Tuong gypsum ceiling, direct fixing frame; Dulux/Falcon/Nippon or equivalent putty and paint.</i>
Cửa đi <i>Entrance door</i>	Gỗ công nghiệp chất lượng cao, khóa Huy Hoàng/ Hafele hoặc tương đương. <i>High quality industrial wood, Huy Hoang/Hafele or equivalent lock</i>
Cửa sổ <i>Window</i>	Khung nhôm sơn tĩnh điện, kính hộp Low-E, cách âm, cách nhiệt <i>Aluminum frame with electrostatic paint, Low-E soundproofing and heat-insolating glass.</i>
Điện và thiết bị chiếu sáng <i>Electricity and lighting equipment</i>	Đường dây điện ngầm Cadivi/ Trần Phú/ LS hoặc tương đương Công tắc điện, ổ cắm: Schneider/ Legrand hoặc tương đương Đèn Led: Philips/ Duhal hoặc tương đương. <i>Underground electrical cable: Cadivi/ Tran Phu/ LS or equivalent;</i> <i>Electrical switch, complete socket: Schneider/ Legrand or equivalent</i> <i>Led lamp: Philips/ Duhal or equivalent</i>
Điều hòa <i>Air conditioner</i>	Hệ âm trần nổi ống gió inverter, hai chiều nhãn hiệu Mitsubishi/ Daikin hoặc tương đương. <i>Mitsubishi/ Daikin equivalent branded two-way ceiling-concealed inverter system, connected to wind pipeline or equivalence</i> Cửa gió: Ngôi sao Châu Á/ Asli hoặc tương đương

		Wind door: Asian Star/ Asli or equivalent.
	Điện thoại, truyền hình cáp, Internet <i>Telephone, cable television, Internet</i>	Thiết bị và phụ kiện cung cấp đến đầu chờ theo thiết kế. <i>Equipment and accessories provided until the waiting socket according to the design.</i>
Phòng bếp <i>Kitchen</i>	Sàn <i>Floor</i>	Sàn gạch Granit cao cấp 600x600. Hoặc sàn tre ép dày 15mm theo yêu cầu của khách hàng. <i>600x600 premium Granit tiles. Or 15mm thick bamboo flooring if customer wishes to change.</i>
	Tường <i>Wall</i>	Tường bê tông, gạch xây, trát vữa xi măng, bả và sơn Dulux/ Falcon/Nippon hoặc tương đương. <i>Concrete wall, masonry brick, cement mortar, Dulux/Falcon/ Nippon or equivalent putty and paint</i>
	Trần <i>Ceiling</i>	Trần thạch cao, khung xương chìm Vĩnh Tường, bả và sơn Dulux/ Falcon/ Nippon hoặc tương đương <i>Vinh Tuong gypsum ceiling, direct fixing frame; Dulux/Falcon/Nippon or equivalent putty and paint .</i>
	Tủ bếp trên và tủ bếp dưới <i>Upper and lower kitchen cabinets</i>	Gỗ công nghiệp cao cấp (lõi MDF chống ẩm, cánh laminate hoặc sơn bóng cao cấp), bản lề Blum/Hafele hoặc tương đương. <i>High-class industrial wood (MDF moisture-proof core, laminate or high-class gloss paint wings), Blum/Hafele or equivalent hinges.</i>
	Bàn bếp <i>Kitchen table</i>	Đá nhân tạo Vinastone hoặc tương đương <i>Vinastone artificial stone or equivalent</i>
	Bếp từ (bếp ba) <i>Induction cooker (3 kitchens)</i>	Hafele/ Teka hoặc tương đương <i>Hafele/ Teka or equivalent</i>
	Máy hút mùi <i>Cooker hood</i>	Hafele/ Teka hoặc tương đương <i>Hafele/ Teka or equivalent</i>
	Chậu + vòi rửa	Hafele/Teka hoặc tương đương

XPS

	Washbasin + water tap	Hafele/ Teka or equivalent
	Bình đun nước nóng Water heater	Ariston/ Ferroli hoặc tương đương <i>Ariston/ Ferroli or equivalent</i>
	Điện và thiết bị chiếu sáng Electricity and lighting equipment	Đường dây điện ngầm Cadivi/ Trần Phú/ LS hoặc tương đương; Công tắc điện, ổ cắm: Schneider/ Legrand hoặc tương đương Đèn Led: Philips/ Duhal hoặc tương đương. <i>Underground electrical cable: Cadivi/ Tran Phu/ LS or equivalent)</i> <i>Electrical switch, complete socket; Schneider/ Legrand or equivalent</i> <i>Led lamp: Philips/ Duhal or equivalent</i>
	Cấp nước Water supply	Đường ống cấp nước PPR Tiên Phong hoặc tương đương. <i>Tien Phong PPR water supply pipeline or equivalent</i>
	Thoát nước Drainage	Đường ống thoát nước UPVC Tiên Phong hoặc tương đương. <i>Tien Phong UPVC drainage or equivalent</i>
Phòng WC Toilet	Sàn Floor	Gạch Ceramic chống trượt 300x600 chất lượng cao <i>High quality 300x600 anti-slip Ceramic brick</i>
	Tường Wall	Gạch Ceramic 300x600 chất lượng cao <i>High quality 300x600 Ceramic brick</i>
	Trần Ceiling	Trần thạch cao chống ẩm, khung xương chìm Vĩnh Tường, bả và sơn Dulux/Falcon/ Nippon hoặc tương đương <i>Vinh Tuong moisture-proof gypsum ceiling, direct fixing frame; Dulux/Falcon/Nippon or equivalent putty and paint.</i>
	Tủ lavabo + tủ gương Lavabo Cabinet + Miror Cabinet	Gỗ công nghiệp cao cấp (lõi MDF chống ẩm, tủ trên cánh kính, tủ dưới- tủ lavabo cánh laminated) <i>High-class industrial wood (MDF moisture- proof core, glass for above-wings, laminate for below and lavabo cabinet wings.</i>

	Thiết bị vệ sinh <i>Sanitary equipment</i>	Bồn cầu, vòi sen, chậu rửa + vòi chậu, vòi xịt nhãn hiệu Grohe/ Kohler hoặc tương đương. Mỗi căn hộ trang bị một bồn cầu loại kết âm tường. Thoát nước, phễu thu nước cabin tắm sử dụng thoát khay Zento hoặc Hiwin hoặc tương đương. Bộ phụ kiện (lô giấy; giá khăn; móc áo) chất lượng cao cấp. <i>Grohe/ Kohler or equivalent toilet, shower, washbasin + sink, sprinkler. Each apartment is equipped with a wall mounted water chest toilet.</i> <i>Zento or Hiwin or equivalent drainer, funnel and cabin shower. High quality accessories (paper roll, towel rack, hanger).</i>
	Bình đun nước nóng <i>Water heater</i>	Ariston/ Ferroli hoặc tương đương <i>Ariston/ Ferroli or equivalent</i>
	Cabin tắm (với phòng tắm không có bồn) <i>Shower cabin (for bathroom without bathtub)</i>	Kính an toàn, cường lực <i>Tempered security glass</i>
	Bồn tắm (số lượng 01 bồn/ 01 căn hộ) <i>Bathtub (01 bathtub per apartment)</i>	Grohe/ Kohler/ Innoci hoặc tương đương <i>Grohe/ Kohler/ Innoci or equivalent.</i>
	Cửa <i>Door</i>	Gỗ công nghiệp chất lượng cao, lõi chống ẩm, khóa Huy Hoàng / Hafele hoặc tương đương. <i>High quality industrial wood, (moisture-proof core) Huy Hoang/Hafele or equivalent lock.</i>
	Quạt thông gió <i>Ventilator</i>	Quạt thông gió gắn trần Mitsubishi/ Panasonic hoặc tương đương. <i>Mitsubishi/Panasonic or equivalent ceiling mounted ventilator</i>

	Điện và thiết bị chiếu sáng <i>Electricity and lighting equipment</i>	Đường dây điện ngầm Cadivi/Trần Phú/ LS hoặc tương đương. Công tắc điện, ổ cắm: Schneider/ Legrand hoặc tương đương. Đèn Led: Philips/Duhal hoặc tương đương. <i>Underground electrical cable Cadivi/Tran Phu/ LS or equivalent ;</i> <i>Electrical switch, complete socket: Schneider/ Legrand or equivalent</i> <i>Led lamp: Philips/Duhal or equivalent</i>
	Cấp nước <i>Water supply</i>	Đường ống cấp nước PPR Tiền Phong hoặc tương đương <i>Tien Phong PPR water supply pipeline or equivalent</i>
	Thoát nước <i>Drainage</i>	Đường ống thoát nước UPVC Tiền Phong hoặc tương đương <i>Tien Phong UPVC drainage or equivalent</i>
Lô gia Loggia	Sàn <i>Floor</i>	Gạch Ceramic chống trượt 300x600 chất lượng cao <i>High quality anti-slip 300x600 Ceramic brick.</i>
	Tường, trần <i>Wall, ceiling</i>	Tường bê tông/ gạch xây trát vữa xi măng, bả và sơn Dulux/ Falcon/Nippon hoặc tương đương <i>Concrete wall, masonry brick, cement mortar, Dulux/Falcon/ Nippon or equivalent putty and paint.</i>
	Cửa ra lô gia <i>Door to loggia</i>	Khung nhôm sơn tĩnh điện, kính hộp Low-E, cách âm, cách nhiệt <i>Aluminum frame with electrostatic paint, Low-E soundproofing and heat-insulating glass.</i>
	Lan can (nếu có) <i>Handrail</i>	Lan can kính an toàn, cường lực, tay vịn, trụ Inox. <i>Tempered security glass, handrail, stainless steel cylinder.</i>
	Cấp nước <i>Water supply</i>	Vòi cấp nước <i>Water supply hose</i>
	Thoát nước <i>Drainer</i>	Thoát nước Zento/Hiwin hoặc tương đương <i>Zento/Hiwin or equivalent drainer</i>

	Điện và thiết bị chiếu sáng <i>Electricity and lighting equipment</i>	Đường dây điện ngầm Cadivi/Trần Phú/ LS hoặc tương đương Công tắc điện, ổ cắm: Schneider/ Legrand hoặc tương đương. Đèn Led: Philips/Duhal hoặc tương đương. <i>Underground electrical cable: Cadivi/Tran Phu/ LS or equivalent.</i> <i>Electrical switch, complete socket: Schneider/ Legrand or equivalent</i> <i>Led lamp: Philips/Duhal or equivalent</i>
Cầu thang (căn duplex) <i>Stairs (duplex apartment)</i>	Nếu có theo thiết kế <i>As per design if applicable</i>	Bậc thang gỗ tự nhiên, lan can kính an toàn <i>Natural wooden stairs, safety glass railing</i>

**VẬT LIỆU, THIẾT BỊ HOÀN THIỆN
CỦA CÁC HẠNG MỤC NGOÀI CĂN HỘ CHUNG CƯ
MATERIALS AND EQUIPMENT FOR COMPLETION OF THE ITEMS
OUTSIDE THE APARTMENT**

Loại phòng/Hệ thống <i>Room type/System</i>	Hạng mục <i>Items</i>	Mô tả thiết bị/hạng mục <i>Description of equipment/items</i>
Sảnh chính, hành lang và cầu thang <i>Main hall, hallway and stairs</i>		Hoàn thiện theo tiêu chuẩn 5 sao, có điều hòa âm trần ở sảnh chính tầng 1 <i>To be finished in accordance with five-star standard, with ceiling air conditioners in the firstfloor main hall</i>
Khối thương mại từ tầng 1 đến tầng 4 <i>Commercial block from 1st floor to 4th floor</i>		Hoàn thiện theo tiêu chuẩn cao cấp phù hợp với công năng sử dụng của từng khu thương mại. <i>To be finished according to high-class standards in accordance with the use of each commercial area.</i>
Khối căn hộ Tầng 5 đến tầng 42 <i>Apartment block from 5th floor to</i>	Sân hành lang <i>Lobby floor</i>	Gạch Granite chất lượng cao. <i>High quality Granite brick</i>
	Tường <i>Wall</i>	Tường bê tông, gạch xây, trát vữa xi măng, bả và sơn Dulux/ Falcon/ Nippon hoặc tương đương.

42 nd floor		Concrete wall, masonry brick, cement mortar, Dulux/Falcon/ Nippon or equivalent putty and paint.
		Tường sảnh thang máy ốp đá hoặc vật liệu cao cấp. High-class stone or materials cladding on elevator lobby wall
	Trần Ceiling	Trần thạch cao, khung xương chìm Vĩnh Tường, bả và sơn Dulux/ Falcon/ Nippon hoặc tương đương Vinh Tuong gypsum ceiling, direct fixing frame; Dulux/Falcon/Nippon or equivalent putty and paint.
	Cầu thang bộ Staircase	Trát hoàn thiện, bả sơn Dulux/ Falcon/ Nippon hoặc tương đương. Completed plastering, Dulux/Falcon/ Nippon or equivalent putty and paint. Lan can cầu thang thép, sơn 03 nước Steel stair railing, 03 painting covers
Kết cấu móng, tầng hầm Foundation structure, basement		Móng cọc nhồi, đài móng và giằng móng bê tông cốt thép toàn khối theo thiết kế. Bored pile foundation, foundation and reinforced concrete brace beam as per design.
Kết cấu thân, mái Body structure, roof		Bê tông cốt thép toàn khối theo thiết kế.. Reinforced concrete as per design.
Hệ thống cấp, thoát nước Water supply and drainage system		Đường ống cấp nước PPR Tiên phong hoặc tương đương Tien Phong PPR water supply pipeline or equivalent.
		Van vòi: Tecofi/Caleffi hoặc tương đương Faucet valve: Tecofi/Caleffi or equivalent
		Đường ống thoát nước UPVC Tiên phong hoặc tương đương. Tien Phong UPVC drainage pipeline or equivalent.
		Tủ trung thế: ABB/ Siemens/ Schneider hoặc tương đương.

Hệ thống điện
Electricity system

Medium voltage cabinet: ABB / Siemens /
Schneider or equivalent

Tủ điện chính và tầng: Sunlight/ Hải Nam/
3C hoặc tương đương.

Main and floor electrical cabinets: Sunlight /
Hainan / 3C or equivalent.

Thang máng cáp: Hải Nam/ Việt Nhật/
BMC/ Enhat hoặc tương đương

Cable ladder: Hai Nam / Viet Nhat / BMC /
Enhat or equivalent

- Đường dây cáp điện Cadivi/ Trần Phú/ LS
hoặc tương đương.

Electrical line, cable: Cadivi/ Tran Phu/ LS
or equivalent.

- Thanh dẫn điện LS/ Schneider / ABB hoặc
tương đương.

Electric conductor: LS/ Schneider/ ABB or
equivalent.

- Thiết bị đóng cắt chính ABB/ Schneider/
Siemens hoặc tương đương.

ABB/ Schneider/ Siemens main switchgear or
equivalent.

- Đèn chiếu sáng huỳnh quang, đèn Led chất
lượng cao: Philips/ Paragon/ Osram/ Duhal
hoặc tương đương.

High quality fluorescent lights, Led lamp:
Philips/ Paragon/ Osram/ Duhal or
equivalent.

- Máy phát điện: FG Willson/ Cummins/
Doosan/ MTU hoặc tương đương: phục vụ
khu vực công cộng, thang máy, hệ thống
phòng cháy chữa cháy đảm bảo cấp điện đủ
tải cho các căn hộ liên tục trong 1 giờ.

Generator: FG Wilson/ Cummins/ Doosan/
MTU or equivalent: serving public zone,
elevator, fire prevention and fighting system
ensuring sufficient power to continuously
supply for apartments within 1 hour.

- Hệ thống chống sét tia tiên đạo sớm:
LPI/Pulsar /Kumwell hoặc tương đương.

Early lightning bolt protection system. LPI

		/Pulsar /Kumwell or equivalent.
		- Trạm biến áp: ABB hoặc tương đương. <i>Transformer station: ABB or equivalent.</i>
Hệ thống thông gió <i>Ventilation system</i>		Sử dụng quạt Kruger/ Phương Linh hoặc tương đương <i>Using Kruger/ Phương Linh or equivalent fan.</i>
Hệ thống thông tin liên lạc <i>Communication system</i>		Hệ thống điện thoại, truyền hình cáp, internet: Đặt đầu chờ đến từng căn hộ, khu thương mại, dịch vụ theo công nghệ của nhà cung cấp. <i>Telephone, cable television, internet systems: placing electrical sleeve to each apartment, commercial and services area as per technology of the service providers.</i>
Hệ thống truyền thanh nội bộ <i>Internal radio system</i>		Bosch/ Toa/ Honeywell hoặc tương đương. Hệ thống truyền thanh nội bộ được trang bị loa đến hành lang tầng và khu vực công cộng. <i>Bosch/ Toa/ Honeywell or equivalent.</i> <i>The internal radio system is equipped with loudspeakers to floor corridors and public areas.</i>
Hệ thống báo cháy, chữa cháy <i>Fire alarm, prevention system</i>	Báo cháy <i>Fire alarm</i>	- Notifier/ Hochiki hoặc tương đương. - Thiết bị báo cháy, chữa cháy lắp đặt tại thang bộ, hành lang các tầng và khu vực công cộng theo tiêu chuẩn phòng cháy và chữa cháy <i>Notifier/ Hochiki or equivalent.</i> <i>Fire alarm, fire-fighting equipment are installed at the stairs, corridor of each floor and public zones as per fire prevention and fighting standards</i>
	Chữa cháy <i>Fire fighting</i>	Bơm: Ebara/ Grundfos/ Paragon hoặc tương đương <i>Pump: Ebara / Grundfos / Paragon or equivalent</i>
Hệ thống kiểm soát an ninh <i>Security control system</i>		Bosch/ Honeywell/ Huynhdai hoặc tương đương. Hệ thống Camera giám sát được lắp đặt tại các khu vực chung và thang máy của tòa nhà.

	Phối hợp với hệ thống chuông hình có tính năng mở cửa vào sảnh từ căn hộ. <i>Bosch/ Honeywell/ Huynhdai or equivalent.</i> <i>The surveillance camera system is installed in common zones and elevators of the building.</i> <i>Coordinating with a system of video bells that facilitates the function to open the door entering into the lobby from the apartment.</i>
Hệ thống quản lý tòa nhà (BMS) <i>Building management system (BMS)</i>	Hệ thống điều khiển, giám sát và quản lý Tòa nhà. Giám sát tình trạng của hệ thống tủ điện; hệ thống PCCC; Hệ thống cấp nước sinh hoạt; Hệ thống chiếu sáng công cộng. <i>Control, monitoring and management system of the Building; Monitoring the status of electrical cabinet system; fire protection system; domestic water supply system; public lighting system.</i>
Hệ thống giao thông đứng (thang máy) <i>Vertical traffic system (elevator)</i>	12 thang máy chở người Mitsubishi xuất xứ Thái Lan hoặc tương đương, tải trọng thang 1200 kg, tốc độ 3.5-4 m/s, trang bị điều hòa, trang bị camera có kết nối với hệ thống quản lý tòa nhà và hệ thống PCCC, nội thất cao cấp. 02 thang hàng Mitsubishi xuất xứ Thái Lan hoặc tương đương, tải trọng thang 1350 kg, tốc độ 3m/s, trang bị camera có kết nối với hệ thống quản lý tòa nhà và hệ thống PCCC, phục vụ PCCC và cứu nạn. <i>12 Mitsubishi passenger elevators of Thai origin or equivalent with loading scale of 1200kg, speed of 3.5-4 m/s, equipped with air-conditioner, cameras connecting to the building management system and fire prevention and fighting system, high-class furniture.</i> <i>02 Mitsubishi freight elevators of Thai origin or equivalent, with loading scale of 1350 kg, speed of 3 m/s, equipped with cameras to connected to building management system and fire prevention and fighting system,</i>

2/3

	serving fire protection and rescue.
Hệ thống thu gom rác Garbage collection system	Thu gom vận chuyển theo tầng theo hệ thống thang hàng (02 thang hàng), đi đường riêng, không qua hành lang căn hộ. Collecting and transporting on a floor basis by freight elevator system (02 freight elevators), with separate ways, not through the apartment corridor

BÊN MUA
THE BUYER

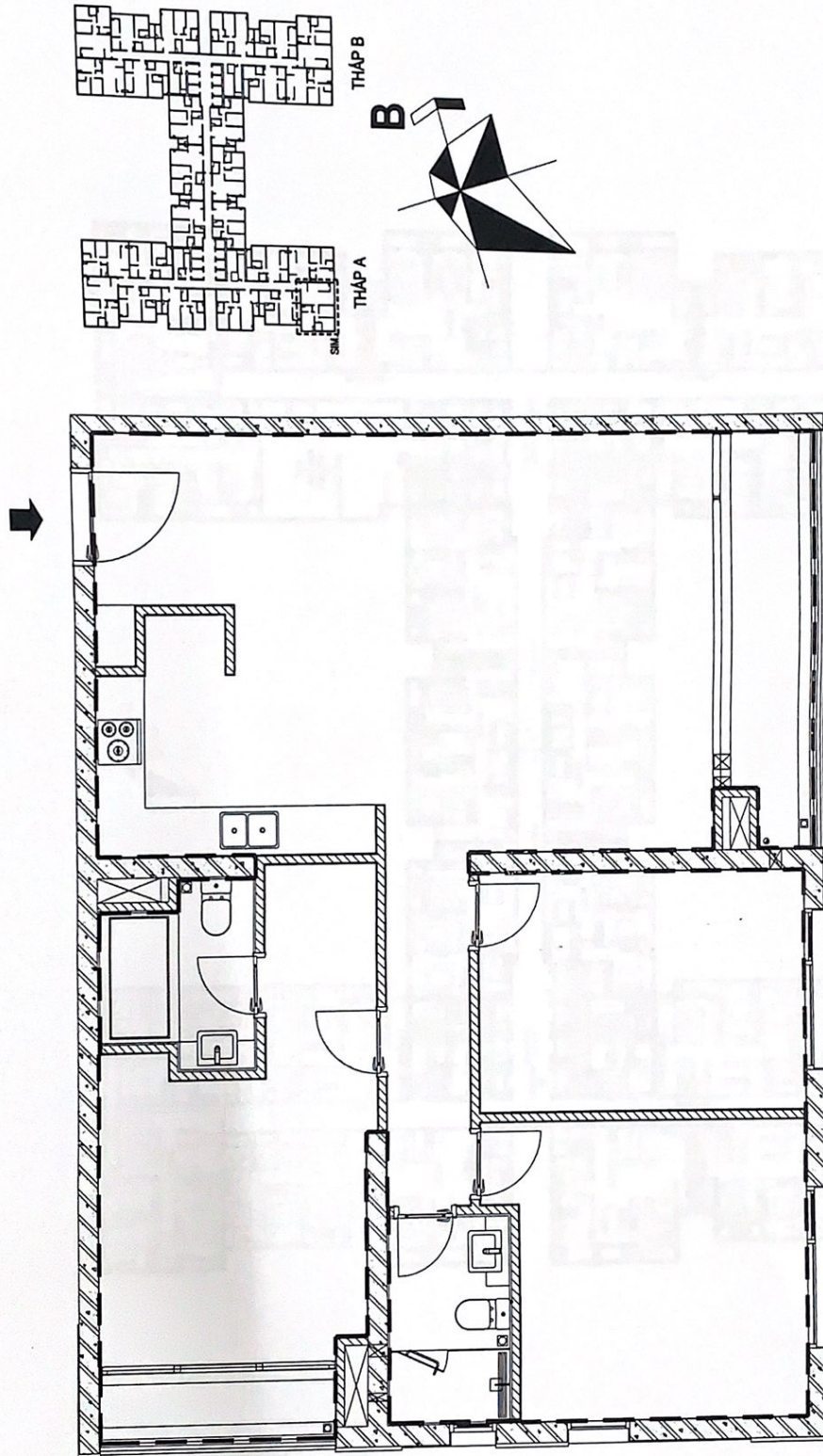
ĐẠI DIỆN BÊN BÁN
FOR AND ON BEHALF OF
THE SELLER

范培正

Xianpei Zheng



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đặng Xuân Tâm



MẶT BẰNG CĂN HỘ A30.03

DIỆN TÍCH SỬ DỤNG CĂN HỘ ĐƯỢC QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 1.9 CỦA HỢP ĐỒNG MUA BÁN CĂN HỘ VÀ THỂ HIỆN THEO ĐƯỜNG - - - - - TRÊN BẢN VẼ MẶT BẰNG CĂN HỘ

Handwritten signature/initials